TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST- DS	*Đồng Hới, ngày 11 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Vòng
2. Ông Dương Đức Bản

Căn cứ vào các Điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy: Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới đã thụ lý vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất theo di chúc số: 12/2009/TLST-DS ngày 21-7-2009 giữa: Nguyên đơn bà Trần Thị Th và bị đơn chị Đào Thị Thanh X, anh Lê Thanh T. Qua giải quyết vụ án các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Toà án đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 18/12/2009, tại bản án số 33/2009/DS-ST. Sau khi xét xử bà Trần Thị Th không đồng ý với các quyết định ghi trong bản án, bà có đơn kháng cáo vào ngày 21/12/2009. Tại bản án số 08/2010/DS-PT ngày 26/5/2010 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Th. Bà Th có đơn khiếu nại cấp Giám đốc thẩm. Tại quyết định Giám đốc thẩm số 241/DS-GĐT ngày 18/6/2013 của Toà dân sự Toà án nhân dân Tối cao đã huỷ bản án số 08/2010/DS-PT ngày 26/5/2010 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình và bản án số 33/2009/DS-ST ngày 18/12/2009 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi cấp Giám đốc thẩm huỷ bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm nói trên đã chuyển toàn bộ hồ sơ để Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử lại vụ án theo trình tự sơ thẩm. Ngày 05/8/2013 Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 29/2013. Trong quá trình giải quyết Toà án yêu cầu các bên đương sự làm bản tự khai và hoà giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án đã giải thích lý do cấp Giám đốc thẩm huỹ hai bản án trên là do có một số sai sót đã nêu trong quyết định Giám đốc thẩm. Qua hoà giải các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó Toà án đã đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Trần Thị Th là nguyên đơn trong vụ án và chị Trần Thị Thanh H người được bà Th uỷ quyền đều vắng mặt trong ba lần xét xử cụ thể:

Lần 01: Toà án gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu bằng đường bưu chính, qua hình thức báo phát cho chị H, bà Th để tham gia phiên toà vào ngày 21/11/2017 nhưng bà Th chị H vắng mặt không có lý, Toà án ra quyết định hoãn phiên toà số 46/2017/QĐST-DS ngày 21/11/2017.

Lần 02: Toà án gửi quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu bằng đường bưu chính, qua hình thức báo phát cho chị H, riêng bà Th nhận trực tiếp của bà và của chị H do Toà án tống đạt để tham gia phiên toà vào ngày 19/12/2017 nhưng chị H vắng mặt không có lý, bà Th có điện thoại báo bị ốm, Toà án ra quyết định hoãn phiên toà số 48/2017/QĐST-DS ngày 19/12/2017.

Lần 03: Toà án gửi quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu bằng đường bưu chính, qua hình thức báo phát cho chị H, riêng bà Th nhận trực tiếp của bà và của chị H do Toà án tống đạt để tham gia phiên toà vào ngày 11/01/2017 nhưng bà Th, chị H đều vắng mặt.

Tại phiên toà ý kiến của ông Nguyễn Quốc D người được chị Đào Thị Thanh X và anh Lê Thanh T uỷ quyền: Việc bà Th và chị H vắng mặt lần thứ ba tại phiên toà đề nghị Toà án đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, phía bị đơn không có yêu cầu phản tố và đồng ý để Toà án đình chỉ giải quyết vụ án.

Ý kiến của bà Trần Thị T việc bà Th và chị H vắng mặt lần thứ ba đề nghị Toà án đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, phía bà không có yêu cầu độc lập và đồng ý Toà án đình chỉ giải quyết vụ án.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà Toà án đã triệu tập hợp lệ bà Th nguyên đơn trong vụ án và chị H người được bà Th uỷ quyền đến lần thứ ba mà vẫn vắng mặt nên đề nghị Toà án căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án.

Như vậy bà Trần Thị Th là nguyên đơn trong vụ án và đã uỷ quyền cho chị Trần Thị Thanh H làm đại diện theo uỷ quyền (con bà) tham gia giải quyết vụ án nhưng Toà án đã gửi giấy triệu tập cho bà Th và chị H để tham gia phiên toà đến lần thứ ba mà vẫn vắng mặt, không có giấy đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Tại phiên toà bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Căn cứ quy định tại đoạn 2 điểm c khoản 1 Điều 217, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 29/2013/TLST- DS, ngày 05 tháng 8 năm 2013 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất theo di chúc", giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: đường M, phường N, thành phố P, tỉnh Quảng Bình; người được bà Th uỷ quyền bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn M, huyện P, tỉnh Quảng Trị; báo theo địa chỉ: Ban tuyên giáo huyện P, tỉnh Quảng Trị. Theo văn bản uỷ quyền ngày 13/5/2013.

Bị đơn: Chị Đào Thị Thanh X, sinh năm 1974 và anh Lê Thanh T, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: đường M, phường N, thành phố P, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Quốc D, sinh 1954; địa chỉ cư trú: đường M, phường N, thành phố P, tỉnh Quảng Bình, theo văn bản uỷ quyền

ngày 19/12/2013.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị T, sinh năm 1947; địa chỉ: đường M, TDP 2, phường N, thành phố P, tỉnh Quảng Bình.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định của Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị Th phải chịu án phí 120.000 đồng, nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000098 ngày 21/7/2009 là 120.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Th 200.000 đồng số tiền bà nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000210 ngày 30/12/2009 và 159.000 đồng bà đã nộp vào ngày 17/8/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Th phải chịu 650.000đ, Toà án đã chi cho Hội đồng thẩm định, định giá, bà đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS TP Đồng Hới;
- Toà án tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc